

Số: 75/BC- TH&THCS

Thống Nhất, ngày 19 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện giáo dục dân tộc năm học 2023 - 2024, phương hướng nhiệm vụ giải pháp giáo dục dân tộc năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGD&ĐT; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Quyết định số 1797/QĐ- UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Thực hiện Văn bản số 2311/SGD&ĐT-TrH ngày 15/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ từ năm học 2020-2021; Văn bản số 934/GD&ĐT ngày 12/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ từ năm học 2022-2023.

Thực hiện văn bản số 793/GD&ĐT ngày 25/8/2023 của Phòng GD&ĐT Hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục Tiểu học huyện Lạc Thủy; văn bản số 814/GD&ĐT-TrH ngày 31/8/2023 của Phòng giáo dục và đào tạo huyện Lạc Thủy về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Trung học cơ sở năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch giáo dục dân tộc năm học 2023 - 2024 của nhà trường;

Trường TH&THCS Liên Hòa báo cáo kết quả giáo dục dân tộc năm học 2023-2024 với những nội dung cụ thể như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023 – 2024

I. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” của Bộ Chính trị gắn với việc thiết thực kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước. Phát huy những kết quả đạt được, tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “*Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*”, phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*” nhằm tạo sự chuyển biến về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, học tập của mỗi cán bộ, nhà giáo, học sinh. Tổ chức thực hiện nội dung các cuộc vận động, các phong trào thi đua, việc thực hiện nhiệm vụ năm học, trở thành hoạt động thường xuyên của nhà trường. Phát động các phong trào thi đua, các Hội thi, các hoạt động bổ ích gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của địa phương.

- Duy trì sĩ số học sinh. Chủ động, tích cực phối hợp với các lực lượng xã hội huy động tối đa trẻ em, học sinh người dân tộc thiểu số trong độ tuổi đến trường, duy trì số học sinh, bảo đảm tỷ lệ học sinh chuyên cần, giảm tối đa tỷ lệ học sinh bỏ học, nghỉ học vào dịp lễ tết, mùa vụ...

- Tích cực tham mưu, phối hợp, tăng cường công tác xã hội hóa nhằm tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học trong nhà trường.

- Thực hiện dạy học sát với đối tượng, tăng cường các hoạt động giao lưu về chuyên môn giữa các trường. Làm tốt công tác đánh giá thực trạng về chất lượng, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục trẻ em, học sinh DTTS. Tăng cường các biện pháp đồng bộ, thiết thực, phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ em, học sinh DTTS.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số và dạy học sát với khả năng, trình độ nhận thức của các đối tượng học sinh. Mỗi giáo viên tích cực thực hiện đổi mới trong dạy học, viết giải pháp đổi mới trong dạy học kiểm tra, đánh giá học sinh.

- Tổ chức hội nghị, chuyên đề trao đổi kinh nghiệm đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh dân tộc giữa các tổ chuyên môn, bộ môn trong tổ.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số ở các khối lớp; tổ chức đánh giá thực trạng phát triển chất lượng, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số của địa phương.

- Nâng cao chất lượng dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; chú ý bổ sung kiến thức địa phương, văn hóa dân tộc, quán triệt trong đội ngũ giáo viên đặc biệt là giáo viên dạy môn Ngữ văn về việc rèn luyện kỹ năng đọc, viết cho học sinh.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ phụ đạo học sinh yếu kém, cần chú ý đến đối tượng là học sinh dân tộc thiểu số. Phân công giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn và quản lý học sinh trong giờ tự học đảm bảo an toàn và hiệu quả.

- Triển khai thực hiện tốt giáo dục nếp sống văn minh, thực hành kỹ năng sống trong cuộc sống và sinh hoạt tập thể; giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, sống hòa nhập với tập thể trong trường và cộng đồng.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 2633/QĐ-TTg ngày 19/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS, MN và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chỉ đạo việc sử dụng, bảo quản báo chí được cấp có hiệu quả. Tiếp tục đầu tư thêm sách báo, ấn phẩm cho thư viện để phục vụ công tác đọc đối với học sinh. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, linh hoạt các hoạt động thư viện đối với cấp tiểu học và ngày đọc tại thư viện nhà trường.

- Tổ chức khảo sát phân loại năng lực học tập của học sinh, để xây dựng kế hoạch dạy học, phụ đạo, bồi dưỡng đúng đối tượng học sinh; đổi mới phương pháp dạy học bộ môn phù hợp đối tượng học sinh dân tộc thiểu số; vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên phù hợp tình hình thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy cho học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc quy định quy chế đánh giá xếp loại học sinh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh

trong các cơ sở giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh dân tộc thiểu số; thực hiện tốt việc phân tích kết quả đánh giá, xếp loại các môn học của học sinh, từ đó đề ra các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục văn hóa dân tộc và kiến thức địa phương, hoạt động văn nghệ, thể thao để nâng cao đời sống tinh thần và giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc quy định hiện hành về công tác tuyển sinh.
- Hoàn thành chỉ tiêu về giáo dục dân tộc.

II. Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục:

1. Nâng cao chất lượng giáo dục trẻ em, học sinh dân tộc thiểu số trong các cấp học vùng dân tộc thiểu số, miền núi

- Nhà trường đã triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn của ngành về thực hiện giảng dạy và thực hiện chương trình.

- Tổ chức bồi dưỡng và phụ đạo cho học sinh được lồng ghép trong các tiết dạy trên lớp của GV, đồng thời chuyên môn nhà trường có kế hoạch chỉ đạo việc ôn cụ thể cho từng tuần, tháng.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề nhằm tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

2. Phát triển quy mô, mạng lưới và nâng cao chất lượng giáo dục trong trường.

2.1 Quy mô trường lớp.

STT	Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.	1A	25	12	48.00	20	80.00	11	44.00		0.00
2.	2A	21	10	47.62	16	76.19	6	28.57		0.00
3.	2B	16	8	50.00	12	75.00	7	43.75	1	6.25
4.	3A	24	10	41.67	20	83.33	10	41.67		0.00
5.	4A	25	9	36.00	20	80.00	8	32.00	2	8.00
6.	5A	34	10	29.41	28	82.35	10	29.41		0.00
7.	6A	27	13	48.1	22	81.5	10	37.0	2	7.4
8.	7A	29	10	34.5	21	72.4	7	24.1		
9.	8A	20	11	55.0	11	55.0	7	35.0		
10.	9A	29	16	55.2	25	86.2	15	51.7		
Tổng số		250	109	43,6	194	77,6	90	36,0	5	2,0

***Số liệu học sinh theo dân tộc**

STT	Lớp	Cộng	Kinh	Mường	Tày	Thái	Nùng
			SL	SL	SL	SL	
Tổng cộng		250	58	190	2	1	1
1	1A	25	5	20			
2	2A	21	5	16			
3	2B	16	4	12			
4	3A	24	4	18	1		1
5	4A	25	5	18	1	1	
6	5A	34	8	28			
7	6A	27	5	22			
8	7A	29	8	21			
9	8A	20	9	11			
10	9A	29	5	24			

2.2 Công tác tuyển sinh.

- Chính sách tuyển sinh: Thực hiện đúng theo chế độ, chính sách hiện hành. Hàng năm trường tiến hành tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6 đạt tỉ lệ 100% số học sinh trên địa bàn.

Thực hiện công tác tuyển sinh vào trường theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT.

2.3. Công tác nâng cao chất lượng dạy học.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, khối chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao chất lượng dạy học theo vùng miền.

- Tăng cường công tác phụ đạo học sinh yếu nhằm bù đắp những thiếu hụt về kiến thức.

- Chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, lấy nhiệm vụ tập trung chất lượng mũi nhọn là nhiệm vụ hàng đầu.

- Kết hợp với BCH đội tổ chức các hoạt động ngoại khóa tạo không khí thoải mái cho học sinh với mục tiêu " vui để học"

Kết quả cụ thể:*** Tiểu học:**

- Đánh giá theo thông tư 27: Tổng số HS: 111 trong đó HSĐT: 87, HS nữ DT: 42.

	Tổng số học sinh	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4		
		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số	
			Dân tộc	Nữ dân tộc		Dân tộc	Nữ dân tộc		Dân tộc	Nữ dân tộc		Dân tộc	Nữ dân tộc
I. Kết quả học tập													
1. Tiếng Việt	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Hoàn thành tốt	48	8	6	3	13	10	7	12	8	6	15	12	6
Hoàn thành	51	14	12	8	20	16	6	9	9	4	8	6	2
Chưa hoàn thành	12	3	2	0	4	1	0	3	3	0	2	2	0
2. Toán	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Hoàn thành tốt	54	7	4	3	19	15	7	13	9	6	15	12	6
Hoàn thành	47	16	14	8	13	10	5	10	10	4	8	7	2
Chưa hoàn thành	10	2	2	0	5	2	1	1	1	0	2	1	0
3. Khoa học	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	20	8
Hoàn thành tốt	16										16	13	7
Hoàn thành	8										8	6	1
Chưa hoàn thành	1										1	1	0
4. Lịch sử và Địa lí	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	20	8
Hoàn thành tốt	14										14	12	4
Hoàn thành	10										10	7	4
Chưa hoàn thành	1										1	1	0
5. Tiếng Anh	49	0	0	0	0	0	0	24	20	10	25	20	8
Hoàn thành tốt	24	0	0	0	0	0	0	10	6	4	14	12	6
Hoàn thành	24	0	0	0	0	0	0	13	13	6	11	8	2
Chưa hoàn thành	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0
6. Đạo đức	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Hoàn thành tốt	63	10	8	4	28	22	12	13	10	7	12	10	4
Hoàn thành	48	15	12	7	9	5	1	11	10	3	13	10	4
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Tự nhiên và Xã hội	86	25	20	11	37	27	13	24	20	10	0	0	0
Hoàn thành tốt	37	5	4	2	19	15	11	13	9	6			
Hoàn thành	49	20	16	9	18	12	2	11	11	4			
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
8. Âm nhạc	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Hoàn thành tốt	54	11	9	7	20	15	10	11	8	6	12	10	5
Hoàn thành	57	14	11	4	17	12	3	13	12	4	13	10	3
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Mĩ thuật	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Hoàn thành tốt	47	11	10	7	11	9	7	10	7	6	15	12	4
Hoàn thành	64	14	10	4	26	18	6	14	13	4	10	8	4
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Tin học và Công nghệ (Tin học)	49	0	0	0	0	0	0	24	20	10	25	20	8
Hoàn thành tốt	24							13	9	6	11	8	1
Hoàn thành	23							10	10	4	13	11	7
Chưa hoàn thành	2							1	1	0	1	1	0

10. Thể chất	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Tốt	65	14	11	5	23	17	8	12	9	6	16	12	4
Đạt	46	11	9	6	14	10	5	12	11	4	9	8	4
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Phẩm chất chủ yếu													
1. Yêu nước	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Tốt	91	20	16	10	37	27	13	13	10	7	21	17	7
Đạt	20	5	4	1	0	0	0	11	10	3	4	3	1
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Tốt	92	17	14	10	36	26	13	23	19	10	16	13	5
Đạt	19	8	6	1	1	1	0	1	1	0	9	7	3
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Tốt	51	7	5	3	19	15	10	10	7	6	15	12	6
Đạt	53	15	13	8	18	12	3	11	10	4	9	7	2
Cần cố gắng	7	3	2	0	0	0	0	3	3	0	1	1	0
4. Trung thực	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Tốt	78	8	6	4	34	26	13	20	16	10	16	13	7
Đạt	33	17	14	7	3	1	0	4	4	0	9	7	1
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	111	25	20	11	37	27	13	24	20	10	25	20	8
Tốt	65	11	8	6	29	22	12	10	7	6	15	12	6
Đạt	45	14	12	5	8	5	1	14	13	4	9	7	2
Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0

- Đánh giá theo thông tư 22: Tổng số HS: 34, Trong đó: HSĐT: 28, HS nữ DT: 10.

	Tổng số học sinh	Lớp 5					
		Tổng số	Trong tổng số				
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập							
1. Tiếng Việt	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	5	5	2	5	2	0	0
Hoàn thành	27	27	8	21	8	0	0
Chưa hoàn thành	2	2	0	2	0	0	0
2. Toán	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	5	5	2	5	2	0	0
Hoàn thành	27	27	8	21	8	0	0
Chưa hoàn thành	2	2	0	2	0	0	0
3. Khoa học	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	6	6	2	6	2	0	0
Hoàn thành	28	28	8	22	8	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
4. Lịch sử và Địa lí	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	5	5	2	5	2	0	0
Hoàn thành	29	29	8	23	8	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
5. Tiếng Anh	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	6	6	2	6	2	0	0
Hoàn thành	27	27	8	21	8	0	0
Chưa hoàn thành	1	1	0	1	0	0	0

6. Đạo đức	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	18	18	7	16	7	0	0
Hoàn thành	16	16	3	12	3	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
7. Âm nhạc	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	12	12	3	11	3	0	0
Hoàn thành	22	22	7	17	7	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
8. Mỹ thuật	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	10	10	3	9	3	0	0
Hoàn thành	24	24	7	19	7	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
9. Thủ công, Kỹ thuật	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	8	8	2	8	2	0	0
Hoàn thành	26	26	8	20	8	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
10. Thể dục	34	34	10	28	10	0	0
Hoàn thành tốt	9	9	2	9	2	0	0
Hoàn thành	25	25	8	19	8	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
II. Năng lực							
1. Tự phục vụ, tự quản	34	34	10	28	10	0	0
Tốt	7	7	2	7	2	0	0
Đạt	27	27	8	21	8	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0
2. Hợp tác	34	34	10	28	10	0	0
Tốt	6	6	2	6	2	0	0
Đạt	26	26	8	20	8	0	0
Cần cố gắng	2	2	0	2	0	0	0
3. Tự học và giải quyết VĐ	34	34	10	28	10	0	0
Tốt	5	5	2	5	2	0	0
Đạt	27	27	8	21	8	0	0
Cần cố gắng	2	2	0	2	0	0	0
III. Phẩm chất							
1. Chăm học chăm làm	34	34	10	28	10	0	0
Tốt	5	5	2	5	2	0	0
Đạt	27	27	8	21	8	0	0
Cần cố gắng	2	2	0	2	0	0	0
2. Tự tin trách nhiệm	34	34	10	28	10	0	0
Tốt	17	17	7	15	7	0	0
Đạt	17	17	3	13	3	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0
3. Trung thực, kỷ luật	34	34	10	28	10	0	0
Tốt	22	22	9	19	9	0	0
Đạt	12	12	1	9	1	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0
4. Đoàn kết, yêu thương	34	34	10	28	10	0	0
Tốt	22	22	9	19	9	0	0
Đạt	12	12	1	9	1	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0

***Khối THCS DT:**

+ Xếp loại Hạnh kiểm:

Đánh giá học sinh theo Thông tư 22 (Thực hiện chương trình GDPT 2018)

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS DÂN TỘC		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		76	54	71,05%	37	68,52%	12	22,22%	5	9,26%	0	0,00%
Khối 6		27	22	81,48%	18	81,82%	3	13,64%	1	4,55%	0	0,00%
1	6A	27	22	81,48%	18	81,82%	3	13,64%	1	4,55%	0	0,00%
Khối 7		29	21	72,41%	15	71,43%	4	19,05%	2	9,52%	0	0,00%
2	7A	29	21	72,41%	15	71,43%	4	19,05%	2	9,52%	0	0,00%
Khối 8		20	11	55,00%	4	36,36%	5	45,45%	2	18,18%	0	0,00%
3	8A	20	11	55,00%	4	36,36%	5	45,45%	2	18,18%	0	0,00%

Đánh giá học sinh theo Thông tư 26 (Thực hiện chương trình GDPT hiện hành)

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS DÂN TỘC		TỐT		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		29	23	79,31%	15	65,22%	8	34,78%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		29	23	79,31%	15	65,22%	8	34,78%	0	0,00%	0	0,00%
1	9A	29	23	79,31%	15	65,22%	8	34,78%	0	0,00%	0	0,00%

+ Thống kê Kết quả hạnh kiểm và rèn luyện của học sinh nữ dân tộc

Đánh giá học sinh theo Thông tư 22 (Thực hiện chương trình GDPT 2018)

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ DÂN TỘC		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		76	24	31,58%	20	83,33%	2	8,33%	2	8,33%	0	0,00%
Khối 6		27	10	37,04%	10	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
1	6A	27	10	37,04%	10	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 7		29	7	24,14%	6	85,71%	0	0,00%	1	14,29%	0	0,00%
2	7A	29	7	24,14%	6	85,71%	0	0,00%	1	14,29%	0	0,00%
Khối 8		20	7	35,00%	4	57,14%	2	28,57%	1	14,29%	0	0,00%
3	8A	20	7	35,00%	4	57,14%	2	28,57%	1	14,29%	0	0,00%

Đánh giá học sinh theo Thông tư 26 (Thực hiện chương trình GDPT hiện hành)

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ DÂN TỘC		TỐT		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		29	13	44,83%	10	76,92%	3	23,08%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		29	13	44,83%	10	76,92%	3	23,08%	0	0,00%	0	0,00%
1	9A	29	13	44,83%	10	76,92%	3	23,08%	0	0,00%	0	0,00%

+ Xếp loại Học lực:

Đánh giá học sinh theo Thông tư 22 (Thực hiện chương trình GDPT 2018)

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS DÂN TỘC		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		76	54	71,05%	1	1,85%	16	29,63%	37	68,52%	0	0,00%
Khối 6		27	22	81,48%	0	0,00%	6	27,27%	16	72,73%	0	0,00%
1	6A	27	22	81,48%	0	0,00%	6	27,27%	16	72,73%	0	0,00%
Khối 7		29	21	72,41%	1	4,76%	6	28,57%	14	66,67%	0	0,00%
2	7A	29	21	72,41%	1	4,76%	6	28,57%	14	66,67%	0	0,00%
Khối 8		20	11	55,00%	0	0,00%	4	36,36%	7	63,64%	0	0,00%
3	8A	20	11	55,00%	0	0,00%	4	36,36%	7	63,64%	0	0,00%

Đánh giá học sinh theo Thông tư 26 (Thực hiện CT GDPT hiện hành)

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS DÂN TỘC		GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU		KÉM	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		29	23	79,31%	2	8,70%	8	34,78%	13	56,52%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		29	23	79,31%	2	8,70%	8	34,78%	13	56,52%	0	0,00%	0	0,00%
1	9A	29	23	79,31%	2	8,70%	8	34,78%	13	56,52%	0	0,00%	0	0,00%

+ Thống kê Kết quả học lực của học sinh nữ dân tộc:

Đánh giá học sinh theo Thông tư 22 (Thực hiện chương trình GDPT 2018)

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ DÂN TỘC		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		76	24	31,58%	0	0,00%	14	58,33%	10	41,67%	0	0,00%
Khối 6		27	10	37,04%	0	0,00%	6	60,00%	4	40,00%	0	0,00%
1	6A	27	10	37,04%	0	0,00%	6	60,00%	4	40,00%	0	0,00%
Khối 7		29	7	24,14%	0	0,00%	4	57,14%	3	42,86%	0	0,00%
2	7A	29	7	24,14%	0	0,00%	4	57,14%	3	42,86%	0	0,00%
Khối 8		20	7	35,00%	0	0,00%	4	57,14%	3	42,86%	0	0,00%
3	8A	20	7	35,00%	0	0,00%	4	57,14%	3	42,86%	0	0,00%

Đánh giá học sinh theo Thông tư 26 (Thực hiện chương trình GDPT hiện hành)

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ DÂN TỘC		GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU		KÉM	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		29	13	44,83%	2	15,38%	7	53,85%	4	30,77%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		29	13	44,83%	2	15,38%	7	53,85%	4	30,77%	0	0,00%	0	0,00%
1	9A	29	13	44,83%	2	15,38%	7	53,85%	4	30,77%	0	0,00%	0	0,00%

3. Bảo đảm chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc.

3.1. Dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số.

- Số lượng trẻ em được dạy và học Tiếng Việt trong nhà trường đạt 100%. Các em đã được cung cấp một lượng vốn từ Tiếng Việt, đảm bảo cho nhu cầu giao tiếp cũng như phục vụ cho việc học tập trong nhà trường.

- Việc bồi dưỡng Tiếng Việt cho học sinh. Trường tổ chức bồi dưỡng vào các buổi học chính khóa cũng như học bồi dưỡng.

3.2. Dạy tiếng dân tộc: Không có.

III. Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, các bộ quản lý.

1. Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc.

- Nhà trường luôn xác định rõ: Giáo dục dân tộc chính là một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp giáo dục nói chung mà trong đó trách nhiệm chăm lo là của toàn Đảng, toàn dân.

- Thường xuyên kết hợp với chính quyền địa phương đặc biệt là văn hóa xã để nắm đặc điểm tình hình của từng điểm trường. Từ đó có kế hoạch cho giáo viên các chủ nhiệm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kết hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương cùng vận động tuyên truyền để tránh tình trạng học sinh bỏ học.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.

- Tăng cường công tác quản lý trong nhà trường đối với giáo viên và học sinh. Đặc biệt là công tác dân tộc đối với học sinh vùng đặc biệt khó khăn.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo đổi mới công tác chuyên môn đến 100% cán bộ giáo viên.

- Trường tổ chức bồi dưỡng lồng ghép vào các buổi sinh hoạt chuyên môn và tổ chức cho giáo viên không biết tiếng dân tộc giao lưu với các em học sinh dân tộc.

IV. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số, nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công tác ở vùng dân tộc.

- Chính sách đối với học sinh, Giáo viên, cán bộ công chức tại đơn vị được thực hiện đúng, đủ, kịp thời theo chế độ chính sách ban hành.

- Trường đã tham mưu với chính quyền địa phương lập danh sách học sinh được hưởng các chế độ, chính sách của chính phủ đầy đủ kịp thời cụ thể như.

+ Chế độ đối với học sinh theo nghị định 116 của chính phủ là học sinh được hỗ trợ chi phí học tập.

- Thường xuyên quan tâm đến các em học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn bằng cách ủng hộ sách vở, bút để tạo điều kiện cho các em đến trường.

V. Đánh giá chung

1. Những ưu điểm.

- Chất lượng, kết quả giáo dục hai mặt giáo dục đảm bảo có chất lượng.

- Duy trì tốt nề nếp dạy và học.

- Chỉ đạo đúng, đủ theo các văn bản của cấp trên.

- Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua của ngành có chất lượng.
- Làm tốt công tác bồi dưỡng học sinh yếu kém.

2. Những khuyết điểm và nguyên nhân.

- Công tác bồi dưỡng học sinh mũi nhọn chưa hiệu quả chưa cao.
- Phong trào xây dựng “*trường học thân thiện học sinh tích cực*” chưa được thường xuyên sâu rộng.
- CSVC nhà trường chưa đầy đủ trang thiết bị còn thiếu thốn nhiều chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học.
- Một số giáo viên chưa thực sự đầu tư vào công tác chuyên môn.

3. Những bài học kinh nghiệm.

- Cần tập chung nâng cao chất lượng quản lý chỉ đạo của nhà trường. Tập trung nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL – GV vượt chuẩn.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể trong nhà trường và sự đoàn kết nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ giáo viên công nhân viên và các em học sinh.

Sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo của phòng Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy, HĐND UBND xã và sự cộng tác giúp đỡ của các trường thôn và các ban ngành trong xã và Ban đại diện cha mẹ học sinh...

VI: Những đề xuất kiến nghị: Không

Phần II.

NHIỆM VỤ TRONG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH NĂM HỌC 2024-2025:

I. Các nhiệm vụ trọng tâm.

- Tăng cường công tác quản lý ngày giờ công, công tác chuyên môn, công tác soạn giảng của giáo viên trong nhà trường.
- Trường xây dựng kế hoạch cụ thể từng tuần, tháng và học kỳ theo đúng kế hoạch của ngành đề ra.
- Duy trì tốt sĩ số HS đạt 100%.
- Tăng cường phương pháp dạy học mới.
- Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giáo viên và kỹ năng sử dụng các thiết bị dạy học.
- Bảo quản tốt và sử dụng có hiệu quả các đồ dùng dạy học.
- Duy trì tốt công tác PCGD ở các cấp học.
- BGH tăng cường động viên, đôn đốc, kiểm tra việc soạn giảng, sử dụng thiết bị dạy học của GV.

II. Các biện pháp, giải pháp chính.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, giáo dục, bồi dưỡng ý thức trách nhiệm, năng lực và hiệu quả công tác cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho học sinh gắn với việc đưa nội

dung các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành thành hoạt động thường xuyên trong trường học.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động theo sát kế hoạch chỉ đạo chung của ngành.
- Quản lý ngày giờ công đúng quy định.
- Chỉ đạo tốt việc thực hiện dạy và học theo phương pháp mới.
- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ.
- Kết hợp với công đoàn quản lý việc thực hiện công tác chuyên môn và chăm lo đến đời sống CBGV.
- Quản lý tốt học sinh bán trú dân nuôi, thực hiện tốt nội quy đề ra.
- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi đối với học sinh diện chính sách xã hội, học sinh dân tộc, quan tâm tạo cơ hội học tập cho học sinh khuyết tật.

Trên đây là báo cáo công tác giáo dục dân tộc năm học 2023-2024 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2024-2025 của trường TH&THCS Liên Hòa./.

Nơi nhận :

- PGD&ĐT (để bc)
- Đảng uỷ, HĐND, UBND TT (để bc)
- Lưu VT

Thống Nhất, ngày 19 tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Đậu Kiên Cường